

Bản án số: 176/2021/HS-ST

Ngày: 23 - 11 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Hồng Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hương

Ông Nguyễn Hồ Cảnh

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Việt Ngọc - Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Lương Đình Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 163/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 221/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Cụt Văn X; tên gọi khác: Không; sinh ngày 11 tháng 10 năm 1991; Nơi cư trú: Bản Đ, xã H, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Khơ Mú; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cụt Văn M và bà: Moong Thị K; anh chị em ruột: Có 03 người (bị cáo là con thứ hai); vợ: Lô Thị T (Đã ly hôn năm 2011); con: Có 01 người con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/4/2021 cho đến nay, có mặt tại phiên toà.

2. Họ và tên: Lữ Văn D; tên gọi khác: Không; sinh ngày 16 tháng 12 năm 1983; Nơi cư trú: Bản Đ, xã H, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Khơ Mú; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Lữ Văn Ph và bà: Lương Thị Ph; anh chị em ruột: Có 06 người (bị cáo là con đầu); vợ: Moong Thị T1; con: Có 02 con (lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2011); tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/4/2021 cho đến nay, có mặt tại phiên toà.

- *Người bị hại:* Chị Lữ Thị T2, sinh năm 1987; trú tại: Bản X, xã Y, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An; có đơn xin xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Anh Cụt Văn V, sinh năm 1985; trú tại: Bản Đ, xã H, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An; có đơn xin xử vắng mặt.

Ông Lữ Quang V2, sinh năm 1951; trú tại: Bản X, xã Y, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An; có đơn xin xử vắng mặt.

Ông Lương Văn H, sinh năm 1971; trú tại: Bản Hòm, xã H, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An; có đơn xin xử vắng mặt.

Bà Xeo Thị M, sinh năm 1963; trú tại: Bản X, xã Y, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Có mặt

Anh Xeo Văn Đ, sinh năm 1984; trú tại: Bản X, xã Y, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Có mặt

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông Nguyễn Văn Hùng – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An; có mặt.

NỘI D V U ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng giữa năm 2014 (không nhớ rõ ngày, tháng), Lữ Thị N, sinh năm 1985, trú tại bản Đ, xã H, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An nói với Lữ Văn D: “Nếu có người muốn đi Trung Quốc lấy chồng thì nói với N, N sẽ trả tiền công cho D 10.000.000 đồng một người”. Sau đó, D nói với Cụt Văn X ở cùng bản “Có ai muốn đi Trung Quốc lấy chồng thì bảo với anh, anh có mối đưa đi rồi, nếu được tiền công sẽ chia nhau”. Cũng trong thời gian này, X và chị Lữ Thị T2, sinh năm: 1987, trú tại: Bản Xốp Pu, xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An có quan hệ tình cảm với nhau và T2 về sống chung với X tại nhà của X. T2 có nói với X: “Em muốn đi làm kiếm tiền và rủ X cùng đi”. Khi nghe T2 nói như vậy, X nảy sinh ý định giới thiệu T2 cho D đưa sang Trung Quốc bán để hưởng lợi nên X nói với T2: “Ở Việt Nam khó kiếm việc làm, nếu có việc làm thì cũng được ít tiền, sang Trung Quốc làm việc sẽ được nhiều tiền hơn”, T2 đồng ý. X đến gặp D nói: “Em có người muốn đi Trung Quốc rồi, anh có mối đưa người đi Trung Quốc thì hỏi họ có đưa đi được không?”. D hỏi: “Ai đi”. X nói: “Con T2 đang ở với em, giá cả thế nào?”, D nói “Khoảng 50 đến 60 triệu, đưa T2 lên nhà để anh hỏi có muốn đi thật không?”. Tối hôm đó, X đưa T2 lên nhà D, D hỏi T2: “Em có muốn đi Trung Quốc

thật không? nếu đi thì hỏi ý kiến bố mẹ?”. Vì nghĩ sang Trung Quốc để tìm việc làm nên T2 đồng ý đi và nói “Không phải hỏi, em muốn đi, bố mẹ cho đi rồi”. Sau đó, D gọi điện cho N hỏi: “Có người muốn đi sang Trung Quốc, gia đình họ đòi 60 triệu có được không?”. N trả lời: “Đi được nhưng hỏi lại có muốn đi thật không? ai đi?” D nói: “Họ muốn đi thật, con T2 vợ thằng X”. N nói: “Chuẩn bị đồ sáng mai đi xuống bản C, xã C, huyện Kỳ Sơn để em đưa đi luôn”. Do X không có xe nên nhờ D qua nhà X chở T2 đi. Sáng ngày hôm sau, D lấy xe máy đến nhà X, chở X và T2, còn Lữ Thị N nhờ chồng là Cụt Văn V đi xe máy chở N xuống gặp nhau tại Bản C, xã C, huyện Kỳ Sơn. D và X giao chị T2 cho N, rồi X, D và V ra về, còn N bắt xe khách đưa T2 đi ra cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, rồi đưa T2 đi bộ theo đường tiểu ngạch đến một con sông lên thuyền vượt biên sang Trung Quốc. Sau đó bắt xe ô tô khách đi đến tỉnh Hồ Nam – Trung Quốc và đến nhà người phụ nữ Việt Nam tên Kim đã lấy chồng làm ăn sinh sống tại Trung Quốc. N giao chị T2 cho Kim để Kim tìm người đàn ông Trung Quốc đến mua chị T2 về làm vợ. Tại đây, Kim bán chị T2 cho một người đàn ông ở tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc, tên là Khứa Săn mua về làm vợ với số tiền 7,8 vạn Nhân dân tệ tương đương với tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam khoảng 234.000.000 đồng (hai trăm ba mươi bốn triệu đồng). Khoảng hai tuần sau, N về nhà tại bản Đ, xã H, huyện Kỳ Sơn. Sau khi về đến nhà, N gọi điện nói D và X lên nhà lấy tiền để đưa cho gia đình chị T2. Do X không ở nhà nên D đi một mình đến nhà N lấy tiền. N đưa cho D số tiền 30.000.000 đồng và nói: “Đây là tiền cho gia đình T2 trước, khi nào T2 lấy chồng sẽ đưa phần còn lại và trả tiền công cho D luôn”. D cầm tiền đi về và gặp X tại nhà D, D đưa cho X số tiền 30.000.000 đồng và nói: “Đây là tiền đưa trước cho gia đình T2, anh không được đồng nào”. X nhận tiền rồi lấy ra đưa cho D 2.000.000 đồng để cảm ơn D. Số tiền 28.000.000 đồng còn lại X không đưa cho gia đình T2 mà sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

Khoảng 02 tháng sau khi chị T2 bị bán đi Trung Quốc, ông Lữ Quang V là bố đẻ của chị T2 và bà Xeo Thị M là mẹ chồng của chị T2 đi tìm chị T2 thì được biết chị T2 bị Lữ Văn D và N đưa đi Trung Quốc. Ông V nhờ Ông H gọi cho D nói: “Nói với con N, gia đình con T2 lên tìm con T2 đây, họ yêu cầu đưa con T2 về, không họ kiện đó”. Khoảng 02 ngày sau, ông H sắp xếp cho D và V gặp ông V, bà M và Lữ Văn C (Con trai của ông V) tại nhà ông H để hai bên thỏa thuận đền bù. Trước khi đi N đưa cho V số tiền 50.000.000 đồng để D và V đền bù gia đình Lữ Thị T2. Tại nhà ông H, hai bên thỏa thuận thống nhất đền bù cho bên gia đình chị T2 50.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền xong, ông V đưa cho ông H 2.000.000 đồng tiền cảm ơn, còn 48.000.000 đồng ông V đưa về, chia cho bà M 20.000.000 đồng để nuôi cháu (con của vợ chồng Lữ Thị T2 và Xeo Văn Điển). Khoảng tháng 11 năm 2014, Xeo Văn Điển (Chồng của chị T2) đi lao động tại

Malaixia về đến gặp ông V, ông Vinh đưa cho Điền 5.800.000 đồng để về nuôi con. Số tiền 22.200.000 đồng còn lại ông Vinh sử dụng.

Cuối năm 2020, Lữ Thị T2 trở về nước và về nhà tại Bản Xốp Pu, xã Yên Na, huyện Tương Dương, ngày 10/4/2021, chị T2 đã làm đơn trình báo sự việc trên đến cơ quan Cơ quan cảnh sát Công an huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Ngày 12/4/2021, X và D bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tương Dương khởi tố bắt tạm giam và khai nhận đầy đủ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ gì.

Về dân sự: Chị Lữ Thị T2 thừa nhận, ông Lữ Quang Vinh có nhận số tiền 50.000.000 đồng từ gia đình Lữ Thị N, sau đó ông Vinh có cho ông H 2.000.000 đồng, đưa tiền cho bà Xeo Thị M 20.000.000 đồng và anh Xeo Văn Điền 5.800.000 đồng để nuôi con trong thời gian chị T2 đi Trung Quốc, nên chị T2 không yêu cầu phân dân sự đối với Lữ Thị N. Chị T2 chỉ yêu cầu Cụt Văn X đền bù về phân dân sự số tiền: 60.000.000 đồng (gồm 30.000.000 đồng tiền X nhận từ N và 30.000.000 đồng tiền bồi thường tổn thất tinh thần vì bị bán đi Trung Quốc).

Với nội D trên tại Bản cáo trạng số: 200/CT-VKS-P2 ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định truy tố các bị cáo Cụt Văn X, Lữ Văn D về tội "Mua bán người" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội D Bản cáo trạng truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Cụt Văn X từ 06 đến 07 năm tù về tội "Mua bán người". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo là ngày 12/4/2021;

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Lữ Văn D từ 04 đến 05 năm tù về tội "Mua bán người". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo là ngày 12/4/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Cụt Văn X phải bồi thường số tiền 60.000.000 đồng cho người bị hại Lữ Thị T2.

Phản tranh luận:

- Người bào chữa cho các bị cáo Cụt Văn X, Lữ Văn D không tranh luận về tội danh, chứng cứ, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo về hoàn cảnh gia đình khó khăn, là người dân tộc sống ở vùng xa, ít hiểu biết pháp luật, khai báo thành khẩn; bị cáo Lữ Văn D đã bồi thường cho chị T2 số tiền 20.000.000 đồng và được chị T2 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét

xử xem xét xử phạt các bị cáo mức án thấp hơn mức đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đề nghị.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Cụt Văn X phải bồi thường số tiền 60.000.000 đồng cho bị hại Lữ Thị T2. Không yêu cầu Lữ Văn D phải bồi thường; Đối với số tiền 50.000.000 đồng mà gia đình chị T2 đã nhận của Lữ Thị N thì xem như Lữ Thị N đã bồi thường nên không yêu cầu Lữ Thị N phải bồi thường.

- Bị cáo Cụt Văn X đồng ý bồi thường cho chị Lữ Thị T2 số tiền 60.000.000 đồng theo yêu cầu.

Các bị cáo Cụt Văn X, Lữ Văn D không có ý kiến tranh luận, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo Cụt Văn X, Lữ Văn D thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội D Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai nhận trong quá trình điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu đã được thu thập, thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Nên có đủ căn cứ kết luận: Vào năm 2014, do muốn có tiền để tiêu xài, Cụt Văn X đã lừa dối chị Lữ Thị T2 đi Trung Quốc làm việc nhưng thực chất là giới thiệu cho Lữ Văn D và Lữ Thị N đưa chị T2 sang Trung Quốc bán cho người đàn ông Trung Quốc làm vợ. Sau đó, N đưa chị T2 sang Trung Quốc giao cho một người phụ nữ tên Kim ở tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc và bán cho một người đàn ông tên Khứa Săn ở tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc lấy về làm vợ với giá 7,8 vạn nhân dân tệ (tương đương 234.000.000 đồng tiền Việt Nam). Sau khi lấy được tiền, N về đưa cho D 30.000.000 đồng. D cầm tiền đưa cho X để đưa cho gia đình chị T2, nhưng Cụt Văn X nhận tiền rồi lấy 2.000.000 đồng đưa cho D, còn lại 28.000.000 đồng X lấy tiêu xài cá nhân hết mà không đưa cho gia đình chị T2 để nuôi con chị T2.

Như vậy, các bị cáo Cụt Văn X và Lữ Văn D biết rõ mục đích của Lữ Thị N đưa chị Lữ Thị T2 sang Trung Quốc để bán cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn thu lợi bất chính nên vẫn thực hiện, hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện vào năm 2014, nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đã truy tố các bị cáo về tội "Mua bán người", theo điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[2] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo Cựt Văn X, Lữ Văn D: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với bị cáo Lữ Văn D, sau khi chị Lữ Thị T2 từ Trung Quốc trở về, bị cáo D đã tự nguyện bồi thường cho chị T2 20.000.000 đồng và được chị T2 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1,2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[3] Xét hành vi và vai trò phạm tội của các bị cáo Cựt Văn X, Lữ Văn D thấy rằng: Các bị cáo thực hiện hành vi đưa chị Lữ Thị T2 cho Lữ Thị N đưa đi nước ngoài (Trung Quốc) để bán cho người khác làm vợ là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không những xâm phạm đến quyền con người, danh dự, nhân phẩm của người phụ nữ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trong nước, ảnh hưởng đến quan hệ ngoại giao và an ninh biên giới, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm nhằm mục đích vụ lợi, nên cần phải xử phạt nghiêm minh để các bị cáo lao động cải tạo trở thành người tốt và đề răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy: Bị cáo Cựt Văn X là người thực hành tích cực và trực tiếp dụ dỗ, lừa gạt người bị hại Lữ Thị T2 đi nước ngoài lao động có thu nhập cao, mục đích để bán cho đàn ông Trung Quốc làm vợ, bị cáo còn là người trực tiếp nhận 30.000.000 đồng tiền bán Lữ Thị T2 từ Lữ Văn D, nhưng không đưa tiền cho gia đình chị T2 để nuôi con mà tiêu xài cá nhân hết, nên phải chịu trách nhiệm lớn hơn bị cáo Lữ Văn D.

Đối với Lữ Văn D, mặc dù là người khởi xướng việc tìm người cho Lữ Thị N đưa đi Trung Quốc, nhưng thực hiện tội phạm với vai trò thứ yếu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp của khung hình phạt, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Lữ Thị T2 yêu cầu bị cáo Cựt Văn X phải bồi thường 60.000.000 đồng, bao gồm 30.000.000 đồng tiền X nhận từ N và 30.000.000 đồng tiền bồi thường tổn thất tinh thần vì bị bán đi Trung Quốc.

Bị cáo Cựt Văn X chấp nhận yêu cầu của bị hại Lữ Thị T2 bồi thường 60.000.000 đồng. Xét yêu cầu bồi thường của người bị hại là chính đáng và bị cáo

X chấp nhận bồi thường, nên cần tuyên buộc bị cáo X bồi thường theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, Cụt Văn X nhận 30.000.000 đồng tiền bán chị T2, đáng lẽ ra phải truy thu, nhưng hiện này bị cáo phải bồi thường cho chị T2 số tiền lớn hơn (60.000.000 đồng) số tiền bị cáo hưởng lợi, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không cần thiết truy thu mà để bị cáo có tiền trả cho chị T2 là phù hợp; đối với số tiền bị cáo Lữ Văn D được bị cáo Cụt Văn X cho 2.000.000 đồng, đáng lẽ ra phải truy thu, nhưng thấy rằng bị cáo D cũng đã bồi thường cho chị T2 số tiền 20.000.000 đồng nên miễn xét.

Đối với việc ông V (Bố chị T2) nhận của gia đình Lữ Thị N số tiền 50.000.000 đồng, sau đó đưa cho ông H 2.000.000 đồng tiền cảm ơn, còn 48.000.000 đồng ông V đưa về, chia cho bà M 20.000.000 đồng, anh Điền 5.800.000 đồng để nuôi con của vợ chồng Lữ Thị T2 và Xeo Văn Điền, còn số tiền 22.200.000 đồng còn lại ông V sử dụng. Quá trình điều tra, chị T2 thừa nhận sự việc trên, không đề nghị những người đã nhận tiền phải lại cho chị T2 và đề nghị Tòa án xem xét là Lữ Thị N đã bồi thường, Hội đồng xét xử thấy rằng, đề nghị của chị T2 là phù hợp nên cần chấp nhận.

[5] Về các quyết định và hành vi tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Trong vụ án này còn có Lữ Thị N là đối tượng chủ mưu, đã bàn bạc với Lữ Văn D đi tìm người cho N đưa sang Trung Quốc bán. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An đã ra Quyết định khởi tố bị can và Quyết định truy nã bị can đối với Lữ Thị N về tội “Mua bán người” quy định tại khoản 2 điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999 để tổ chức truy bắt và ra Quyết định tách vụ án hình sự số 08 ngày 28 tháng 9 năm 2021 để tách hành vi “Mua bán người” của bị can Lữ Thị N, khi nào bắt được xử lý sau.

Đối với Cụt Văn V (chồng của Lữ Thị N), được Lữ Thị N nhờ chở N xuống Bản Cù, xã Chiêu Lưu, huyện Kỳ Sơn để N đưa Lữ Thị T2 sang Trung Quốc, nhưng Cụt Văn V không biết N đưa T2 đi đâu mà nghĩ đưa T2 đi tìm việc làm. Đến khi gia đình T2 đến đòi tiền, N đưa tiền cho V, nhờ V thay N đi cùng Lữ Văn D đến gặp gia đình T2 để thỏa thuận với gia đình T2 không làm đơn kiện thì V mới biết N đưa T2 sang Trung Quốc, nên không đủ căn cứ để xử lý đối với Cụt Văn V.

Đối với người phụ nữ tên Kim là người Việt Nam sang lấy chồng và sinh sống cùng chồng ở tỉnh Hồ Nam – Trung Quốc, được Lữ Thị N đưa Lữ Thị T2 sang giao cho Kim bán T2 cho người Trung Quốc mua về làm vợ, theo lời khai của Lữ Thị T2 thì không biết họ tên, tuổi và địa chỉ cụ thể. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ, sẽ xử lý sau.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và Dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Cụt Văn X **07** (Bảy) năm tù về tội "Mua bán người". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 12/4/2021.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Lữ Văn D **04** (Bốn) năm tù về tội "Mua bán người". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 12/4/2021.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo Cụt Văn X, Lữ Văn D.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 592 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Cụt Văn X phải bồi thường cho người bị hại Lữ Thị T2 số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Cụt Văn X, Lữ Văn D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Cụt Văn X phải chịu 4.400.000 đồng (Bốn triệu, bốn trăm ngàn) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án./.

Nơi nhận:

- TAND; VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Nghệ An;
- Phòng PV06 CA tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã H, huyện Kỳ Sơn;
- Lưu Tòa hình sự; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Trang